

Số: 362/KH- TTYT

Giang Thành, ngày 27 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH
Hoạt động chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2025

Thực hiện theo kế hoạch số 182/KH-KSBT ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Kiên Giang về kế hoạch hoạt động chương trình Chăm sóc Sức khỏe sinh sản năm 2025.

Nay Trung tâm Y tế Giang Thành xây dựng kế hoạch hoạt động chương trình Chăm sóc Sức khỏe sinh sản năm 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung.

Cải thiện tình trạng SKBMTE/SKSS của người dân, tập trung vào giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh, đặc biệt ưu tiên vùng khó khăn để giảm sự khác biệt giữa các vùng miền; đồng thời tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dự phòng các bệnh lây truyền từ mẹ sang con, dự phòng và sàng lọc ung thư cổ tử cung, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên - thanh niên.

2. Mục tiêu cụ thể.

2.1 Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh nhằm tử vong mẹ, giảm tử vong trẻ sơ sinh.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần trong 3 kỳ $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ có kỹ năng đỡ $\geq 98\%$.
- Tỷ lệ bà mẹ, trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà sau đẻ trong tuần đầu $\geq 97\%$.
- Tỷ số phá thai/100 ca đẻ sống $\leq 10/100$.
- Duy trì tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống 7,5%0.
- Duy trì tỷ suất tử vong sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ ra sống dưới 9,26%0

2.2 Dự phòng các bệnh lây truyền HIV, giang mai, viêm gan B từ mẹ sang con.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm sàng lọc HIV trong thời kỳ mang thai $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm sàng lọc Viêm gan B trong thời kỳ mang thai $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm sàng lọc Giang mai trong thời kỳ mang thai $\geq 80\%$.

2.3 Phòng chống ung thư đường sinh sản:

- Tỷ lệ phụ nữ được sàng lọc ung thư cổ tử cung $\geq 55\%$.
- Tỷ lệ phụ nữ được sàng lọc ung thư vú $\geq 55\%$.

2.4 Cung ứng dịch vụ KHHGĐ/ phá thai an toàn:

- Tổng số người áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại: **2.154** người.
- Giảm tai biến do phá thai so với năm 2024.
- Tỷ lệ phụ nữ nạn phá thai được tư vấn về tác hại của nạn phá thai và cách đề phòng là 100%.

2.5 Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên:

- Tỷ lệ mang thai ở VTN/ Tổng số phụ nữ mang thai $\leq 2,5\%$
- Tỷ lệ phá thai ở VTN/ Tổng số phụ nữ phá thai $\leq 1\%$
- Tỷ lệ cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản thực hiện thông tin - giáo dục - tư vấn sức khỏe sinh sản cho vị thành niên $\geq 80\%$.
- Tỷ lệ vị thành niên được thông tin - giáo dục - tư vấn và có hiểu biết về chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục $\geq 50\%$.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN.

1. Các chỉ tiêu chuyên môn.

1.1 Chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình.

- * Số lượt người sử dụng các BPTT: 2.154 người
- Dụng cụ tử cung: 500 người
- Thuốc uống tránh thai: 600 người
- Thuốc tiêm tránh thai: 450 người
- Bao cao su: 600 người
- Thuốc cấy tránh thai: 04 người

1.2 Chỉ tiêu Chăm sóc Sức khỏe bà mẹ.

- Phá thai: 10 người
- Khám phụ khoa 5.200 lượt
- Điều trị phụ khoa: 2.340 lượt
- Số phụ nữ đẻ trong năm: 450 người
- Số đẻ tuổi vị thành niên: 23 người
- Phụ nữ đẻ được khám thai > 4 lần: 405 ca
- + Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai > 4 lần: 90%

- BM và trẻ SS được CS sau đẻ: 437 ca
- + Tỷ lệ BM và trẻ SS được CS sau đẻ: 97%

1.3 Chỉ tiêu chăm sóc SKTE.

- Số trẻ đẻ ra sống: 450 Trẻ
- + Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân: 100%
- Số trẻ tử vong dưới 1 tuổi: 4 Trẻ
- + Tỷ suất tử vong trẻ < 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống: 9.27 ‰
- Số trẻ tử vong dưới 5 tuổi: 5 Trẻ
- + Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống: 11.50 ‰

1.4. Chỉ tiêu lây truyền HIV từ mẹ sang con.

- Số phụ nữ được tư vấn HIV: 405 người
- Số phụ nữ tự nguyện XN HIV: 315 người
- 90% phụ nữ mang thai được tư vấn về xét nghiệm HIV tự nguyện; trong đó 70% được xét nghiệm sàng lọc HIV.

2. Các hoạt động chính.

2.1 Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh nhằm giảm tử vong mẹ, giảm tử vong trẻ sơ sinh:

- Triển khai thực hiện tốt các hoạt động theo hướng dẫn của tuyến trên tại các văn bản chỉ đạo.
- Tăng cường công tác quản lý thai: các bà mẹ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ để phát hiện sớm và đề phòng các tai biến sản khoa. Thực hiện đỡ đẻ có kỹ năng, an toàn, không sang chấn, nhận biết và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa. Tổ chức tốt việc chăm sóc sau đẻ đối với tất cả các sản phụ và trẻ sơ sinh, tại cơ sở y tế. Tư vấn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng hợp lý trong “1000 ngày đầu đời”;
- Tăng cường sự phối hợp với khoa nhi, hồi sức cấp cứu có liên quan trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, đặc biệt trong việc xử lý cấp cứu, hồi sức sơ sinh tại phòng sanh, đối với các trẻ sơ sinh có nguy cơ: đẻ non, đẻ thiếu cân..., các bác sĩ nhi khoa phải có mặt để cùng tham gia hồi sức cấp cứu.
- Tăng cường công tác tư vấn xét nghiệm sàng lọc viêm gan B cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đẻ và các đối tượng có nguy cơ. Đảm bảo các cơ sở sản khoa có sinh đều có sẵn vắc- xin viêm gan B để tiêm cho trẻ sơ sinh, thực hiện tốt việc tư vấn tiêm vắc – xin viêm gan B cho trẻ sơ sinh trong vòng 24 giờ.
- Duy trì, củng cố vận hành có hiệu quả mô hình đơn nguyên sơ sinh tại TTYT huyện, nâng cao cơ sở vật chất.

- Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và phối hợp với phòng truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ.

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ CSSKSS tại tuyến y tế cơ sở triển khai thực hiện tốt: Quyết định số 1154/QĐ-BYT ngày 4/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn sàng lọc chẩn đoán và xử lý tăng huyết áp ở phụ nữ mang thai, tiền sản giật và sản giật; Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh (EENC) trong và ngay sau đẻ; Quyết định số 1470/QĐ-BYT ngày 29/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn quốc gia về sàng lọc và quản lý đái tháo đường thai kỳ; Quyết định số 3792/QĐ-BYT ngày 17/12/2024 của Bộ Y tế về Hướng dẫn dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung; Quyết định số 3261/QĐ-BYT ngày 04/11/2024 của Bộ Y tế về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên; Quyết định số 2175/QĐ-BYT ngày 25/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn thực hiện kỹ thuật chăm sóc trẻ bằng phương pháp Kangaroo; Quyết định số 2834/QĐ-BYT năm 2019 của Bộ Y tế về phê duyệt Hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng HIV, VGB và Giang mai lây truyền từ mẹ sang con; Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 30/12/2024 của Bộ Y tế về Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phụ nữ tuổi tiền mãn kinh, mãn kinh và quyết định số 3451/QĐ-BYT ngày 06/8/2019 của Bộ Y tế về Tiêu chí và hướng dẫn đánh giá công nhận bệnh viện thực hành nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc;

- Nâng cao chất lượng hoạt động thăm định tử vong mẹ. Thực hiện thăm định 100% các trường hợp tử vong mẹ, phản hồi và rút kinh nghiệm (nếu có) theo công văn số 4607/QĐ-BYT ngày 21/12/2023 của Bộ Y tế về Hướng dẫn Giám sát tử vong mẹ và đáp ứng.

2.2 Dự phòng các bệnh lây truyền HIV, giang mai,viêm gan B từ mẹ sang con.

Xây dựng kế hoạch, triển khai và thực hiện các can thiệp trong kế hoạch hành động quốc gia tiến tới loại trừ HIV, viêm gan B và giang mai lây truyền từ mẹ sang con giai đoạn 2020 -2030 trên địa bàn huyện, lồng ghép trong các hoạt động thường xuyên về chăm sóc thai sản.

2.3 Phòng chống ung thư đường sinh sản.

- Cung cấp thông tin về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản và kết hợp với phòng Truyền thông - GDSK tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, tuyên truyền về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư sinh sản.

- Tổ chức lồng ghép các đợt khám, điều trị phụ khoa với tư vấn phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản, phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản tại tuyến y tế cơ sở triển khai thực hiện tốt sàng lọc ung thư cổ tử cung; Tăng độ bao phủ về sàng lọc ung thư đường sinh sản tại tuyến y tế cơ sở bằng nhiều phương pháp; Quản lý số

liệu phụ nữ được sàng lọc ung thư cổ tử cung và ung thư vú; Các trường hợp sàng lọc ung thư cổ tử cung và ung thư vú bất thường được cán bộ y tế tư vấn, xử trí hoặc chuyển tuyến trên điều trị kịp thời.

2.4 Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn.

- Cung cấp thông tin về KHHGĐ và phá thai an toàn và phối hợp với phòng Truyền thông – GDSK tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về KHHGĐ và phá thai an toàn.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình chuyên môn về cung cấp dịch vụ lâm sàng các biện pháp tránh thai, phá thai an toàn; thực hiện quy định về chế độ thông kê báo cáo.

- Thực hiện phá thai theo Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ CSSKSS. Lưu ý tư vấn cho khách hàng về những rủi ro, tai biến và hậu quả của phá thai, cung cấp biện pháp tránh thai sau phá thai để tránh phá thai lặp lại.

- Cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ cần có sẵn phương tiện tránh thai, quản lý số liệu thực hiện KHHGĐ và số liệu phá thai kể cả số liệu từ các cơ sở y tế tư nhân.

2.5 Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới và người cao tuổi.

- Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới và người cao tuổi phối hợp với phòng Truyền thông – GDSK tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới và người cao tuổi.

- Tham gia các lớp đào tạo về chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới và người cao tuổi.

- Thực hiện quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nam giới theo Hướng dẫn quốc gia về dịch vụ CSSKSS.

- Đẩy mạnh công tác tư vấn sức khỏe phụ nữ cao tuổi, điều trị các rối loạn tiền mãn kinh và mãn kinh giúp cải thiện sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Tổ chức truyền thông nói chuyện chuyên đề trong hoặc ngoài trường học về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên - thanh niên...

2.6 Thông tin - Giáo dục - truyền thông và tuyên truyền vận động.

- Phổ biến rộng rãi các thông tin liên quan đến các chính sách, các nội dung giáo dục quần chúng về sức khỏe sinh sản với các hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau nhằm nâng cao sự hiểu biết và khuyến khích các gia đình, các cặp vợ chồng, các cá nhân tự nguyện tham gia thực hiện các mục tiêu về sức khỏe sinh sản.

- Kết hợp với phòng Truyền thông – GDSK sử dụng đa dạng hình thức truyền thông: tư vấn trực tiếp, sinh hoạt chuyên đề, viết tin bài sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng để phát triển các loại tài liệu truyền thông thích hợp với từng



nhóm đối tượng. Nâng cao nhận thức của người dân về CSSKSS ở cơ sở, ở cộng đồng và cho mọi đối tượng.

2.7 Kiểm tra, giám sát hỗ trợ chỉ đạo tuyến.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tuyến xã mỗi quý một lần (4 lần/năm).

- Giám sát hỗ trợ y tế cơ sở nâng cao chất lượng công tác khám thai, quản lý thai phát hiện nguy cơ, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trước, trong và sau đẻ.

- Giám sát nâng cao chất lượng công tác thống kê, báo cáo kịp thời của các sooslieeuj cả thu thập theo thông tư 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/20219 về việc quy định Hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với các cơ sở y tế. Sử dụng phần mềm tổng hợp báo cáo thống kê hệ SKSS.

3. Các giải pháp thực hiện.

- Để thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch giao cho mạng lưới SKSS năm 2025, cần phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan, như phòng Dân số - truyền thông giáo dục sức khỏe và các trạm y tế xã.

- Lồng ghép các dịch vụ KHHGD, từng bước lồng ghép một số các hoạt động mới của SKSS. Gắn thông tin – giáo dục truyền thông với nâng cao chất lượng dịch vụ trong xã hội hóa các biện pháp tránh thai; giảm tỷ lệ nạo phá thai và đảm bảo phá thai an toàn.

- Tăng cường công tác quản lý thai tại các tuyến y tế cơ sở, các bà mẹ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ để phát hiện sớm và đề phòng các tai biến sản khoa.

- Thực hiện Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong lúc đẻ theo QĐ số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014; nhận biết và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa. Tổ chức tốt việc chăm sóc sau đẻ đối với tất cả các sản phụ và trẻ sơ sinh, tại cơ sở y tế. Tư vấn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng hợp lý.

- Tăng cường cập nhật kiến thức và kỹ năng về các kỹ thuật thích hợp; đặc biệt là về các lĩnh vực tư vấn, phòng chống nhiễm khuẩn, xử lý cấp cứu sản khoa.

- Đẩy mạnh các hoạt động sức khỏe sinh sản vị thành niên.

III. KINH PHÍ.

Sử dụng kinh phí đúng hoạt động thường xuyên được Sở Y tế phân bổ năm 2025 (chi tiết kèm theo phụ lục).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ.

- Tham mưu cho Ban giám đốc phối hợp với Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu.

- Tổng hợp thống kê báo cáo gửi về Sở Y tế.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính.

Tham mưu cho Ban Giám Đốc ra quyết định phân công viên chức của Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản trong thực hiện các đợt chiến dịch KHHGD tại tuyến cơ sở.

3. Phòng Dân số - truyền thông giáo dục sức khỏe.

Tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn, về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư sinh sản.

4. Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn và nguyên tắc vô khuẩn trong sản khoa.

- Thực hiện tốt quy tắc ứng xử và thay đổi phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh và gia đình người bệnh

- Duy trì tốt công tác khám và điều trị bệnh.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, giám sát, hướng dẫn sửa chữa uốn nắn kịp thời mỗi quý một lần về việc thực hiện chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở tuyến xã.

- Nạo phá thai an toàn, xử lý tốt các biến chứng sau nạo phá thai.

- Lồng ghép mô hình quản lý thai với mô hình chăm sóc dinh dưỡng kết hợp với mô hình khác tại địa phương, thực hiện tốt công tác quản lý thai.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sức khỏe bà mẹ trẻ em/ sức khỏe sinh sản 4 lần/ năm.

5. Trạm Y tế xã.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch được giao, thống kê báo cáo gửi về khoa CSSKSS đúng thời gian qui định.

- Ghi chép sổ sách đúng theo thông tư 37/2019 BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Trên đây là kế hoạch hoạt động chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Giang Thành ./, *KT*

Nơi nhận:

- Phòng KHNV;
- TYT xã;
- Lưu: VT, tkDung.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Liệt

Giang Thành, ngày 28 tháng 01 năm 2025

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2025

Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng lây truyền HIV mẹ sang con

Đính kèm theo kế hoạch số: 162/KH- TTYT ngày 28 tháng 01 năm 2025

STT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Chỉ tiêu thực hiện	Phú Mỹ	Phú Lợi	Tân Khánh Hoà	Vĩnh Điều	Vĩnh Phú	Ghi chú
I	Chăm sóc SKBM								
1	Nạo phá thai	Ca	10	2	2	2	2	2	
2	Khám phụ khoa	Lượt	5200	920	850	1050	1160	1220	
3	Điều trị phụ khoa	Lượt	2340	440	400	490	500	510	
4	Số phụ nữ đẻ trong năm	Người	450	85	75	94	97	99	
-	Số đẻ tuổi vị thành niên	Người	23	4	4	5	5	5	
5	Phụ nữ đẻ được khám thai > 4 lần	Ca	405	76	68	85	87	89	
-	Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai > 4 lần	%	90	90	90	90	90	90	
6	BM và trẻ SS được CS sau đẻ	Ca	437	82	73	92	94	96	
-	Tỷ lệ BM và trẻ SS được CS sau đẻ	%	97	97	97	97	97	97	
II	Chăm sóc SKTE								
1	Số trẻ đẻ ra sống	Trẻ	450	85	75	94	97	99	

	Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân	%	100	100	100	100	100	100	
2	Số trẻ tử vong dưới 1 tuổi	Trẻ	5	1	1	1	1	1	
	Tỷ suất tử vong trẻ <1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	9,27	9,27	9,27	9,27	9,27	9,27	
3	Số trẻ vong dưới 5 tuổi	Trẻ	5	1	1	1	1	1	
	Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	11,50	11,50	11,50	11,50	11,50	11,50	
III	Kế hoạch hóa gia đình	Người	2154	304	279	401	575	595	
1	Vòng tránh thai	Người	500	73	64	100	131	132	
2	Thuốc tránh thai	Người	0						
	Thuốc uống tránh thai	Người	600	77	71	107	168	177	
	Thuốc tiêm tránh thai	Người	450	76	72	86	107	109	
	Thuốc cấy tránh thai	Người	4	1	1	1	1	0	
3	Bao cao su	Người	600	77	71	107	168	177	
IV	Chương trình lây truyền từ mẹ sang con	Người	720	137	124	150	153	156	
1	Số PN có thai được tư vấn	Người	405	76	68	85	87	89	
2	Số PN có thai được XN máu	Người	315	61	56	65	66	67	